

Bản án số: **88/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Châu;

2. Ông Nguyễn Nhiều Phong.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 11 tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thanh T**, sinh năm 1985; có đơn xin vắng mặt.

Căn cước số: 072185001289, Bộ công an cấp ngày 27-02-2045.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 01, ấp Thuận Phước, xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Giấy chứng minh nhân dân số: 290670468, công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05-5-2001.

Cùng nơi cư trú: Tổ 01, ấp Thuận Phước, xã TM, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Lê Thanh T trình bày: Chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn vào tháng 02/2004 tại UBND xã Truông Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do chị đi làm công nhân thường xuyên phải làm ca đêm dẫn đến anh P ghen tuông vô cớ, thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng chị, anh còn thường xuyên nhậu nhẹt say sưa rồi đập phá đồ đạc, xúc phạm chị. Cuộc sống của chị và các con vô cùng căng thẳng. Trước đây chị có nộp đơn ly hôn hai lần, lần đầu vào năm 2023, lần thứ hai vào năm 2024, sau khi nộp đơn ly hôn thì anh P có đến Tòa án làm việc, anh năn nỉ hứa hẹn sẽ thay đổi tính tình nên chị đã cho cơ hội và rút lại đơn ly

hôn. Tuy nhiên đến nay anh P vẫn không thay đổi, thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con. Trước năm 2023, anh P còn phụ giúp chị chi phí sinh hoạt trong gia đình nhưng từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay anh không còn đưa tiền cho chị để lo cho con nữa. Hiện chị và anh P đã ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung:

Lê Thanh A, sinh ngày 10-01-2004;

Lê Nhật Đ, sinh ngày 13-9-2013.

Con chung Lê Thanh A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Nhật Đ, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật..

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, Anh Lê Văn P trình bày: Vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T và anh P .

Con chung: Giao cháu Lê Nhật Đ cho Chị T nuôi dưỡng, anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đưa ra giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Truong Mít, tỉnh Tây Ninh ngày 13-02-2004. Quá trình chung sống Chị T, anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên có sự bất

đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc, anh P thiếu sự tin tưởng đối với Chị T, ít quan tâm chia sẻ gánh nặng kinh tế trong gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đời sống chung không hạnh phúc. Hai bên không còn chung sống từ tháng 5/2025 cho đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P nhưng anh không tham gia tố tụng, không có thiện chí hòa giải, tìm giải pháp đoàn tụ. Do đó, có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của Chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

Lê Thanh A, sinh ngày 10-01-2004;

Lê Nhật Đ, sinh ngày 13-9-2013.

Con chung Lê Thanh A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Lê Nhật Đ, cháu Đ có nguyện vọng tiếp tục sống cùng mẹ. Anh P không tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến về con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Chị T về việc tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Nhật Đ. Anh P không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhật Đ là 1.500.000 đồng/01 tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2025 cho đến khi con trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thanh T và Anh Lê Văn P chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

Lê Thanh A, sinh ngày 10-01-2004;

Lê Nhật Đ, sinh ngày 13-9-2013.

Con chung Lê Thanh A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Lê Nhật Đ. Anh Lê Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Nhật Đ là 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 9/2025 cho đến khi con trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005326 ngày 21-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh) (đã nộp xong).

2.2. Anh Lê Văn P phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- THADS TTN
- UBND xã nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hạ